

Ngành đào tạo:

Tiếng Việt: **Quản lý kinh tế**

Mã số: **60 34 04 10**

Tiếng Anh: **Economic Management**

Thời gian đào tạo: **02 năm**

1. Mục tiêu đào tạo**1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cán bộ quản lý kinh tế bậc thạc sĩ có phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức và thái độ tốt, nắm vững các kiến thức lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng.

2. Mục tiêu cụ thể**a. Về kiến thức:**

- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng;

- Có khả năng tổ chức công tác quản lý trong các tổ chức kinh tế xã hội của nền kinh tế;

- Có kiến thức và khả năng hoạch định, tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, chiến lược, các chính sách, các dự án phát triển kinh tế xã hội;

- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển kinh tế xã hội;

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để thực hiện công tác quản lý kinh tế.

b. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng lãnh đạo và năng lực làm việc độc lập;

- Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ hiện đại trong quản lý;

- Có các kỹ năng phân tích và ra quyết định, kỹ năng quản lý và tổ chức sản xuất-kinh doanh, quản lý tài chính, quản lý nhân lực, lập kế hoạch, quản lý sự thay đổi, quản lý rủi ro....

- Có kỹ năng tốt trong giao tiếp và đàm phán.

c. Về đạo đức nghề nghiệp:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;

- Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn;

- Đáp ứng được yêu cầu công tác cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội khác về lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

2. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế phải đáp ứng được các điều kiện sau:

a. Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng với chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản lý kinh tế và đã học các học phần bổ sung kiến thức.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

b. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành Quản lý kinh tế phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm công tác mới được dự thi.

c. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo (60 TC), có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4. Chương trình đào tạo

a. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế được thiết kế theo xu hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với điều kiện trong nước và tương đương các chương trình đào tạo tiên tiến của một số nước trên thế giới. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế được thiết kế với tổng số 60 tín chỉ (TC), gồm 32 tín chỉ bắt buộc (chiếm 53,3%), 18 tín chỉ tự chọn (chiếm 30%) và 10 tín chỉ thực hiện luận văn tốt nghiệp (chiếm 16,7%). Cụ thể:

- Phần kiến thức chung (bắt buộc): 9 TC

- Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: (1) Các học phần bắt buộc: 23 TC; (2) Các học phần tự chọn: 18 TC

- Luận văn tốt nghiệp: 10 TC

b. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 4.1: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế

<i>Mã số học phần</i>		<i>Tên học phần</i>	<i>Khối lượng (tín chỉ)</i>		
<i>Phần chữ</i>	<i>Phần số</i>		<i>Tổng số</i>	<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành, thảo luận</i>
A – Phần kiến thức chung			9		
QTH2	501	Triết học (Philosophy)	4	3	1
QTA1	502	Tiếng Anh I (English I)	3	2	1
QTA2	503	Tiếng Anh II (English II)	2	1	1
B – Phần kiến thức cơ sở			11		
B1-Các học phần bắt buộc			9		
QV0M	504	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	2	1,5	0,5
QV1M	505	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	2	1,5	0,5
QKQL	506	Khoa học quản lý (Management Sciences)	3	2	1
QTKK	507	Thống kê kinh tế (Economic Statistic)	2	1	1
B2-Các học phần tự chọn			2/4		
QTUD	508	Tin học ứng dụng trong QLKT (Applied Informatics in Economic Management)	2	1	1
QKTL	509	Kinh tế lượng (Econometrics)	2	1,5	0,5
C- Phần kiến thức chuyên ngành			30		
C1- Các học phần bắt buộc			14		
QQLN	510	Quản lý nhà nước về kinh tế (State Management on Economy)	2	1,5	0,5
QKCL	511	Kế hoạch và chiến lược phát triển KT-XH (Socio-Economic Development Strategy and Planning)	2	1,5	0,5
QKCC	512	Kinh tế công cộng (Public Economics)	2	1,5	0,5
QTCC	513	Tài chính công (Public Finance)	2	1,5	0,5
QCSC	514	Chính sách và quản lý công (Public Policy and Management)	2	1,5	0,5
QQTK	515	Quản trị kinh doanh (Business Management)	2	1,5	0,5

QPNK	516	Phương pháp NCKH trong quản lý kinh tế (Research Methodology in Economic Management)	2	1,5	0,5
C2- Các học phần tự chọn			16/24		
QKTQ	517	Kinh tế quốc tế (International Economics)	2	1,5	0,5
QTDT	518	Kinh tế và quản lý đầu tư (Investment Economics and Management)	2	1,5	0,5
QKPT	519	Kinh tế phát triển (Economics of Development)	2	1,5	0,5
QQNL	520	Quản lý nguồn nhân lực (Human Resource Management)	2	1,5	0,5
QQCD	521	Quản lý chương trình và dự án (Program and Project Management)	2	1,5	0,5
QQGT	522	Quản lý giá và thị trường (Market and Price Management)	2	1,5	0,5
QQKN	523	Quản lý kinh tế nông nghiệp (Agricultural Economic Management)	2	1,5	0,5
QLKT	524	Luật Kinh tế (Economic Law)	2	1,5	0,5
QQHC	525	Quan hệ công chúng (Public Relations)	2	1,5	0,5
QPNT	526	Phát triển nông thôn (Rural Development)	2	1,5	0,5
QKQT	527	Kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường (Environmental and Natural Resource Economics and Management)	2	1,5	0,5
QTLH	528	Tâm lý học quản lý (Management Psychology)	2	1,5	0,5
D- Luận văn tốt nghiệp			10		
Tổng cộng			60		